|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:  /2021/QĐ-UBND | *Quảng Trị, ngày  tháng   năm 2021* |

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định nội dung chi, mức chi, quản lý và sử dụng**

**Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Trị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số*[*34/2016/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2016-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-bien-phap-thi-hanh-luat-ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-312070.aspx)*ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về quy định thành lập và quản lý Quỹ phòng,chống thiên tai; Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/ 11/ 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư Liên tịch số*[*43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-lien-tich-43-2015-ttlt-bnnptnt-bkhdt-huong-dan-thong-ke-danh-gia-thiet-hai-do-thien-tai-gay-ra-296630.aspx)*ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thống kê đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi, mức chi, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như điều 3;- Ban Chỉ đạo TW về PCTT;- UBQG ƯPSCTT & TKCN;- Các Bộ: Tài chính, NN&PTNT, KHĐT;- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;- Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT;- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;**-** Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh;- UBMT TQ Việt Nam tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Sở Tư pháp;- Báo Quảng Trị, Đài PT-TH tỉnh;- Cổng TT điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;- Lưu: VT, NN. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH QUẢNG TRỊ** |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 **QUY ĐỊNH**

**Nội dung chi, mức chi, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai**

**tỉnh Quảng Trị**

(*Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị*)

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định nguyên tắc, nội dung chi, mức chi, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Quỹ) bao gồm cả phần kinh phí của Quỹ giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

2.Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan liên quan trên địa bàn tỉnh: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp; Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; Cơ quan quản lý Quỹ phòng chống thiên tai cấp huyện, cấp xã.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2**. Nguyên tắc chi Quỹ

1.Chỉ chi Quỹ hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương đã chủ động khắc phục, hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai nhưng vượt quá khả năng cân đối ngân sách của đơn vị, địa phương.

2.Chỉ chi Quỹ hỗ trợ cho các đối tượng chưa được hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của Nhà nước. Trong trường hợp có nhiều chính sách cùng một nội dung hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, đối tượng đó chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

3.Việc chi Quỹ phải đảm bảo đúng đối tượng, định mức phù hợp, kịp thời, hiệu quả và công khai, minh bạch.

**Điều 3. Hoạt độngphòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai**

1. Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa:

Xây dựng và phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai; tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai tại các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

2. Hỗ trợ hoạt độngứng phó thiên tai:

Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế; thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến; hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai.

4. Hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai khẩn cấp, cấp bách các công việc cần phải xử lý ngay sau khi có thiên tai xảy ra bao gồm:

Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai được hỗ trợ kinh phí tối đa không quá 3 tỷ đồng/1 công trình.

5.Các nội dung hỗ trợ công việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

**Chương II**

**HỖ TRỢ PHÒNG NGỪA , ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QỦA THIÊN TAI**

**Mục 1. NỘI DUNG VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA**

**Điều 4.Công tác phổ biến tuyên truyền, đào tạo, tập huấn**

1. Tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa như sau:

a) Cấp tỉnh: 35.000.000 đồng cho 01 hội thảo, hội nghị, lớp tập huấn;

b) Cấp huyện: 15.000.000 đồng cho 01 hội thảo, hội nghị, lớp tập huấn;

c) Cấp xã: 10.000.000 đồng cho 01 hội thảo, hội nghị, lớp tập huấn.

2. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền tuần lễ Quốc gia Phòng, chống thiên tai được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa như sau:

a) Cấp tỉnh: 100.000.000 đồng cho 01 đợt tuyên truyền;

b) Cấp huyện: 30.000.000 đồng cho 01 đợt tuyên truyền;

c) Cấp xã: 15.000.000 đồng cho 01 đợt tuyên truyền.

3. Xây dựng chuyên mục phát sóng, đưa tin các chuyên đề truyền thông về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên các phương tiện thông tin đại chúng, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa 15.000.000 đồng cho 01 chuyên mục và tối đa 3 chuyên mục/năm.

4. Hỗ trợ tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

- Cấp tỉnh được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa: 150.000.000 đồng cho 01 đợt diễn tập/năm.

- Cấp huyện được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa: 50.000.000 đồng cho 01 huyện/ đợt/năm.

- Cấp xã (mỗi huyện tối đa không quá 3 xã) được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa: 30.000.000 đồng cho 01 xã/ đợt/năm.

**Điều 5. Xây dựng và rà soát kế hoạch phòng chống thiên tai**

1. Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai theo chu kỳ kế hoạch 05 năm tương ứng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa như sau:

a) Cấp tỉnh: 300.000.000 đồng;

b) Cấp huyện: 75.000.000 đồng;

c) Cấp xã: 20.000.000 đồng.

2. Rà soát, cập nhật, điều chỉnh kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm ở các cấp, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa như sau:

a) Cấp tỉnh: 50.000.000 đồng;

b) Cấp huyện: 15.000.000 đồng;

c) Cấp xã: 5.000.000 đồng.

**Điều 6. Xây dựng và rà soát phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai**

1. Xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa như sau:

a) Cấp tỉnh: 200.000.000 đồng;

b) Cấp huyện: 60.000.000 đồng;

c) Cấp xã: 15.000.000 đồng.

2. Cập nhật, rà soát, điều chỉnh phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm ở các cấp, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa như sau:

a) Cấp tỉnh: 50.000.000 đồng;

b) Cấp huyện: 15.000.000 đồng;

c) Cấp xã: 5.000.000 đồng.

**Mục 2. NỘI DUNG VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ CÔNG TÁC ỨNG PHÓ THIÊN TAI**

**Điều 7. Sơ tán dân tập trung ra khỏi nơi nguy hiểm**

Mức hỗ trợ theo tình hình thực tế tại từng địa bàn xã, phường, thị trấn, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa 200.000 đồng/hộ gia đình/lần sơ tán.

**Điều 8. Chăm sóc y tế, lương thực, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến**

Mức hỗ trợ theo tình hình thực tế tại từng địa bàn xã, phường, thị trấn, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa 80.000 đồng/người/ngày và không quá 10 ngày/ 01 đợt.

**Mục 3. NỘI DUNG VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI**

**Điều 9. Cứu trợ khẩn cấp về lương thực**

Hỗ trợ 15kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp đối với tất cả các thành viên hộ gia đình thiếu đói trong và sau thiên tai.

**Điều 10. Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác**

Mức chi hỗ trợ theo tình hình thực tế tại từng địa bàn xã, phường, thị trấn, nhưng ở mức không quá 300.000đồng/người/đợt.

**Điều 11. Hỗ trợ người chết, bị thương do thiên tai**

1. Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai được xem xét hỗ trợ với mức: 5.400.000 đồng/người.

2. Hộ gia đình có người bị thương nặng do thiên tai được xem xét hỗ trợ với mức: 2.700.000 đồng/người.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đứng ra mai táng cho người chết do thiên tai không phải tại địa bàn cấp xã nơi cư trú của người đó hoặc tại địa bàn cấp xã nơi cư trú của người đó nhưng không có người thân thích thì được hỗ trợ chi phí mai táng theo chi phí là 8.100.000 đồng/người/lần mai táng.

4. Người bị thương nặng do thiên tai ngoài nơi cư trú mà không có người thân, gia đình chăm sóc: 2.700.000 đồng/người.

**Điều 12. Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở**

1. Hộ gia đình có nhà ở chính nằm trong khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai bắt buộc phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức tối đa không quá 20.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn bị thiệt hại về nhà ở do thiên tai:

a) Có nhà ở chính bị hư hỏng hoàn toàn (Mức độ thiệt hại trên 70%) mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối đa không quá 20.000.000 đồng/hộ;

b) Có nhà ở chính bị hư hỏng rấtnặng (Mức độ thiệt hại từ 50-70%) mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 15.000.000 đồng/hộ;

c) Có nhà ở chính bị hư hỏng nặng (Mức độ thiệt hại từ 30-50%) gặp khó khăn trong sinh hoạt thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 10.000.000 đồng/hộ.

3. Hộ gia đình không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 12 của Quy định này, nhưng đang ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các xã khu vực III, khu vực II thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung các văn bản nêu trên (nếu có) được UBND tỉnh rà soát, tổng hợp đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn hàng năm:

a) Có nhà ở chính bị hư hỏng hoàn toàn (Mức độ thiệt hại trên 70%) mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối đa không quá 18.000.000 đồng/hộ;

b) Có nhà ở chính bị hư hỏng rấtnặng (Mức độ thiệt hại từ 50-70%) mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 13.000.000 đồng/hộ;

c) Có nhà ở chính bị hư hỏng nặng (Mức độ thiệt hại từ 30-50%) gặp khó khăn trong sinh hoạt thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 8.000.000 đồng/hộ.

4. Hộ gia đình không thuộc diện quy định tại khoản 2 và 3 Điều 12 của Quy định này:

a) Có nhà ở chính bị hư hỏng hoàn toàn (Mức độ thiệt hại trên 70%) mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối đa không quá 16.000.000 đồng/hộ;

b) Có nhà ở chính bị hư hỏng rất nặng (Mức độ thiệt hại từ 50-70%) mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 11.000.000 đồng/hộ;

c) Có nhà ở chính bị hư hỏng nặng (Mức độ thiệt hại từ 30-50%) gặp khó khăn trong sinh hoạt thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 6.000.000 đồng/hộ.

5. Mức độ thiệt hại về nhà ở áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số [43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-lien-tich-43-2015-ttlt-bnnptnt-bkhdt-huong-dan-thong-ke-danh-gia-thiet-hai-do-thien-tai-gay-ra-296630.aspx)ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thống kê đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

**Điều 13. Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai**

1. Đối với cấp xã:

Mức chi hỗ trợ theo nhu cầu và tình hình thực tế tại từng địa bàn cấp xã, nhưng ở mức tối đa không quá 10.000.000đồng/xã.

2. Đối với trạm Y tế cấp xã, trường mẫu giáo:

Mức chi hỗ trợ theo nhu cầu và tình hình thực tế của địa phương, nhưng ở mức tối đa không quá 3.000.000 đồng/điểm.

3. Đối với trung tâm Y tế cấp huyện, trường tiểu học cơ sở, trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông:

Mức chi hỗ trợ theo nhu cầu và tình hình thực tế của địa phương, nhưng ở mức tối đa không quá 5.000.000 đồng/điểm.

**Điều 14. Hỗ trợ sửa chữa, khắc phục khẩn cấp các công trình**

Tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai được hỗ trợ kinh phí tối đa không quá 3 tỷ đồng/1 công trình

**Điều 15:** Hỗ trợ thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ

UBND cấp xã: Trích 3% tổng số thu trên địa bàn để chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ.

UBND cấp huyện: Trích 3% tổng số thu thuộc trách nhiệm thu của cấp huyện (không tính số thu cấp xã nộp lên) để chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ.

**Điều 16:** Đối với mức chi cho các nội dung hoạt động còn lại quy định tại Điều 3 Quy chế nhưng chưa được quy định chi tiết tại Quy chế này, các cơ quan đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch, phương án thực hiện kèm theo dự toán kinh phí trình cấp thẩm quyền (Ủy ban nhân dân cùng cấp) quyết định phê duyệt trên cơ sở tình hình thực tế và bảo đảm các quy định hiện hành**.**

**Điều 17:** Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh chỉ điều chuyển hỗ trợ cho cấp huyện, cấp xã khi cấp huyện, cấp xã đã sử dụng hết nguồn dự phòng ngân sách cho công tác phòng chống thiên tai và 20% nguồn thu Quỹ phòng, chống thiên tai được giữ lại tại địa phương mình (nguồn thu Quỹ được giữ lại Quy định tại Quyết định 1619/QĐ-UBND ngày 24/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai).

**Điều 18. Tổ chức thực hiện**

1. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp:

a) Chịu trách nhiệm báo cáo, thống kê thiệt hại thiên tai theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và đề xuất nhu cầu hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định;

Trường hợp thiên tai xảy ra trên diện rộng gây thiệt hại nặng và vượt khả năng cân đối nguồn Quỹ cấp xã thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định;

c) Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định;

Trường hợp thiên tai xảy ra trên diện rộng gây thiệt hại nặng và vượt khả năng cân đối nguồn Quỹ cấp huyện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

d) Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, phối hợp với các Sở: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan xác định nguồn lực để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

2.Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn và triển khai thực hiện các nội dung theo Quy định này;

b) Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc quản lý, sử dụngkinh phí đảm bảo theo nội dung, định mức; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.Sở Tài chính:

a) Phối hợp Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí từ nguồn Quỹ và các chính sách liên quan khác;

b) Hướng dẫn các địa phương về thủ tục cấp phát, thanh quyết toán.

4.Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

Phối hợp Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Tài chính, các cơ quan, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí từ nguồn Quỹ đảm bảo sự công bằng giữa các vùng, các chính sách, đúng đối tượng bị thiệt hại, điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ, thủ tục hỗ trợ .

5.Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố :

a) Quản lý, sử dụng Quỹ trên địa bàn, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh phí được phân cấp và giao để thực hiện cho công tác phòng chống thiên tai;

b) Chỉ đạo Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn chủ động triển khai hỗ trợ theo quy định, đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ, thủ tục hỗ trợ;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng Quỹ và thực hiện báo cáo quyết toán thu chi Quỹ trên địa bàn;

d) Chủ động sử dụng kinh phí từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố để khắc phục, hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai. Ngoài phần hỗ trợ từ Quỹ theo Quy định này, chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Chữ thập đỏ cùng cấp trong việc điều phối tiền, hàng cứu trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước nhằm đảm bảo sự công bằng giữa các vùng cũng như các đối tượng bị thiệt hại.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Quản lý, sử dụng Quỹ trên địa bàn đảm bảo theo quy định của pháp luật và Quy định này, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về kinh phí được phân cấp và giao để thực hiện cho công tác phòng chống thiên tai;

b) Báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Điều 19**. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi ý kiến về Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** |